

Bản án số: **05/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 14/01/2026
V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Duy - Kiểm sát viên

Ngày 14/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lương Thị Lệ H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

-*Bị đơn:* Ông **Phan T**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu phố X, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2010. Chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xuyên kình cãi nguyên nhân không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, ăn riêng ở riêng, ông T tính toán chi li. Việc níu kéo tình cảm chỉ gây thêm tổn thương. Hiện tại, bà H không còn tình cảm và yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn ông Phan T; Về con chung: có 01 con chung Phan Ngọc Th, sinh ngày 16/12/2010, bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Phan T trình bày: Thời gian và quá trình kết hôn giống như bà H trình bày: mâu thuẫn vợ chồng xuất phát trong cách nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình nên hai vợ chồng cũng thường xuyên kình cãi. Tuy nhiên, bản thân ông T muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Nếu mà bà H kiên quyết ly hôn thì nhờ Tòa án xem xét cho cháu Th thường xuyên về thăm ông T. Về con chung: có 01 con chung Phan Ngọc Th, sinh ngày 16/12/2010. Ông T thống nhất để con cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con và ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Lệ H; Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Lệ H nuôi dưỡng con chung Phan Ngọc Th; Về cấp dưỡng nuôi con: ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng; Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường Bình Kiến nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Lệ H và ông Phan T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A theo giấy chứng nhận kết hôn số: 07 quyền số 1 ngày 02/02/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2015, giữa bà H và ông T kinh cãi dẫn đến xô xát lẫn nhau, tình cảm bắt đầu rạn nứt, sau khi bà H đi học về thì tình cảm giữa bà H và ông T vẫn không cải thiện được. Qua lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy hai bên bất đồng về quan điểm sống, trong nuôi dạy con cái, tiền bạc. Bà H kiên quyết ly hôn, không muốn tiếp tục chung sống cùng nhau. Tại phiên tòa ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp cụ thể nào để khắc phục. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông T không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn, tình cảm hai bên đã rạn nứt không thể hàn gắn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H được ly hôn ông T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là Phan Ngọc Th, sinh ngày 16/12/2010. Hiện nay con chung do bà H nuôi dưỡng. Cháu Th có nguyện vọng ở với bà H. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật HNGĐ năm 2014. Tại phiên tòa, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Bà H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị đơn ông Phan T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật HNGĐ năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H phải chịu án phí hôn nhân gia

đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 Luật HNGĐ năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lương Thị Lệ H được ly hôn với ông Phan T.

Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Lệ H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Ngọc Th, sinh ngày 16/12/2010 (phù hợp với nguyện vọng của cháu Th, hiện nay cháu Th đang ở với bà H).

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phan T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật HNGĐ năm 2014.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001435 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Phan T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm (về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người TGT;
- VKSND khu vực 11;
- Thi hành án dân sự t.Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hoa Dung